

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 5 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Khương
2. Ông Trần Văn Thoi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thanh T, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Lê Thanh T là:
Luật sư Nguyễn Khắc H - Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Vũ L thành hôn năm 2014 và đăng ký kết hôn ngày 25/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh L có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài. Chị phát hiện qua tin nhắn của anh L nhiều lần, đã cho anh L cơ hội sửa đổi nhưng

anh L vẫn còn tiếp tục nhắn tin, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi nhau. Tháng 11/2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/12/2017 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 28 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Vũ L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân và con chung. Anh thừa nhận anh có nhắn tin với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T, thương con, mong chị T cho anh cơ hội để sửa đổi và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ. Trường hợp, chị T cương quyết ly hôn thì anh vẫn không đồng ý. Tuy nhiên, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bị đơn anh L đồng ý ly hôn với chị T. Con chung anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Lê Thanh T là Luật sư Nguyễn Khắc H trình bày quan điểm bảo vệ:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L. Về con chung, công nhận sự tự thỏa thuận giữa chị T và anh L là: Tiếp tục để chị T nuôi cháu Nguyễn Gia B, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Vũ L. Kết luận, quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị T và anh L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ việc anh L có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Chị T xác định không còn tình

cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh L. Chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là tự nguyện nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

[3]. *Về con chung*: Chị T và anh L có với nhau 01 người con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 27/12/2017 hiện chị T đang nuôi. Tại phiên tòa chị T và anh L tự thỏa thuận là tiếp tục để chị T nuôi con, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận giữa chị T và anh L là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

[4]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Chị T và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét chấp nhận quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thanh T.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thanh T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Vũ L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Vũ L. Giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/12/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị T, anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thanh T nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011549 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Ủy ban nhân dân xã M,
huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Văn Năm